TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **407**/2018/DS-ST;
Ngày: 13/11/2018;
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Phụng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ T** – sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **LÊ THỊ HỒNG T** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **PHẠM THỊ NGỌC H** – sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; chị H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện ủy quyền chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2013, chị H có nhiều lần mua thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của bà T. Khi mua bán hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng là bà T sẽ cung cấp thuốc bảo vệ thực vật trước, khi nào chị H thu hoạch, bán hoa màu sẽ trả tiền lại cho bà Thấy. Mỗi lần chị H mua hàng hoặc trả tiền đều được bà T ghi vào sổ theo dõi của bà T và sổ của chị H để hai bên theo dõi và đối chiếu. Đến ngày 05/7/2013 hai bên chốt nợ thì chị H còn nợ bà T số tiền 18.654.000 đồng, hai bên đã lập biên nhận do chị H viết và ký tên. Sau đó chị H đã trả được cho bà T số tiền 3.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 11/12/2013 trả 1.000.000 đồng;

- Ngày 20/01/2014 trả 1.000.000 đồng;

- Ngày 28/02/2014 trả 1.000.000 đồng.

Hiện chị H còn nợ bà Thấy số tiền 15.654.000 đồng, dù bà T nhiều lần đòi nhưng chị H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc H trả số tiền 15.654.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trong biên nhận ngày 05/7/2013.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Phạm Thị Ngọc H tình bày:

Chị có mua thuốc bảo vệ thực vật ở cửa hàng của bà T từ lâu, chị không nhớ rõ thời gian, theo thỏa thuận thì bà T sẽ cung cấp phân thuốc trước, khi chị thu hoạch bán hoa màu sẽ trả tiền cho bà T. Việc mua bán được ghi vào sổ của bà T và sổ của chị. Đến năm 2013 thì hai bên chốt nợ, chị không còn mua phân thuốc ở cửa hàng của bà T. Khi chốt nợ chị còn nợ bà T số tiền 16.688.000 đồng. Sau đó chị đã trả nợ cho bà T làm nhiều lần, chị không nhớ thời gian với số tiền 16.900.000 đồng bao gồm luôn tiền lãi, khi chị trả tiền cho bà T thì hai bên không có lập biên nhận, nhưng bà T có ghi vào sổ mua thuốc do chị giữ để theo dõi. Chữ viết trong sổ mua bán mà chị cung cấp cho Tòa án là chữ của bà T. Biên nhận nợ do bà T cung cấp không phải chữ ký và chữ viết của chị.

Hiện nay chị không còn nợ bà T số tiền nào nữa nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T. Đối với biên nhận nợ do bà T cung cấp không phải là chữ ký và chữ viết của chị, chị không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận mà bà T cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc H trả số tiền 15.654.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là "Đòi lại tài sản".

[1] Xét bị đơn chị Phạm Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T và chị H đều thống nhất hai bên có giao dịch mua bán thuốc bảo vệ thực vật, bà T cung cấp thuốc bảo vệ thực vật trước, khi nào chị H bán hoa màu sẽ trả tiền cho bà T, khi hai bên mua bán hay trả tiền đều được bà T ghi vào sổ theo dõi của bà T và sổ của chị H để theo dõi và đối chiếu. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà T và chị H đã xác lập một hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005. Đến ngày 05/7/2013 hai bên chốt nợ thì chị H còn nợ bà T số tiền 18.654.000 đồng, sau đó chị H có trả cho bà T được 03 lần với số tiền 3.000.000 đồng cụ thể: ngày 11/12/2013 trả 1.000.000 đồng, ngày 20/01/2014 trả 1.000.000 đồng và ngày 28/02/2014 trả 1.000.000 đồng. Nên bà T đã khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền 15.654.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ do chị H viết và ký tên, phía chị H không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của chị, bà T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giám định nên Tòa án không xem biên nhận này là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Chị H cho rằng đến năm 2013 thì chị và bà T chốt nợ thì chị còn nợ số tiền 16.900.000 đồng bao gồm luôn tiền lãi, khi chị trả tiền cho bà T không có lập biên nhận nhưng bà T có ghi vào sổ mua thuốc do chị giữ để theo dõi. Xét lời trình bày của chị H là không có cơ sở vì chị H không có gì chứng minh cho việc trả nợ của chị và không phù hợp với chứng cứ mà chị H cung cấp cho Tòa án vì theo sổ mua bán mà chị H cung cấp cho Tòa án là do bà T viết và hiện tại trong sổ mua bán thể hiện chị H còn nợ bà T số tiền 15.654.000 đồng lại phù hợp với số tiền bà T đang khởi kiện chị H.

Tuy nhiên, từ ngày 28/02/2014 cho đến nay chị H không trả cho bà T khoản tiền nào, tính đến 28/02/2017 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Phía chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc chị H có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị H trả cho bà T số tiền 15.654.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu chị H trả tiền lãi.

Về thời gian trả: Xét việc bà T yêu cầu chị H trả số tiền 15.654.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, vì chị H đã nợ bà T khoản tiền này quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên Hội đồng xét xử buộc chị H trả cho bà T số tiền 15.654.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 429, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 290, Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.654.000 đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn đồng)*. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị Ngọc H không trả số tiền trên thì hàng tháng chị H phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 783.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 391.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015204 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án . Báo bị đơn vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản ánđược thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân